

Bản án số: 53/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 04-03-2026

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Diệu Linh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Minh Tân, ông Đinh Ngọc Phú.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quỳnh Anh - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8 - Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Lê Phương Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8 - Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 494/2025/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 11 năm 2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 01 năm 2026, Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2026/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 02 năm 2026 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Vũ Thị P**, sinh năm 1979.

Địa chỉ trước khi xuất cảnh tại thôn H, xã H, thành phố Hải Phòng.

Hiện đang sinh sống và làm việc tại Đài Loan.

(vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

Người được bà Vũ Thị P ủy quyền giao nhận văn bản tố tụng của Tòa án: Chị Nguyễn Thị Thanh X, sinh năm 2001. Địa chỉ liên hệ: Biệt thự E1, khu A, khu đô thị N, phường Y, thành phố Hà Nội.

2. Bị đơn: Ông **Đào Thanh T**, sinh năm 1973.

Nơi thường trú và trú tại thôn H, xã H, thành phố Hải Phòng. (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Vũ Thị P và ông Đào Thanh T được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, tỉnh Hải Dương nay là xã H, thành phố Hải Phòng vào ngày 12/12/1998. Sau khi chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính cách không hợp nên thường xuyên xảy ra cãi vã, cuộc sống gia đình rơi vào tình trạng căng thẳng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, ảnh hưởng tới tinh thần và công việc của cả hai. Mặc dù đã được hai bên gia đình động viên hàn gắn nhưng vợ chồng vẫn không thống nhất được cách giải quyết mâu thuẫn, không thể hòa hợp. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2017, bà P đang sinh sống và làm việc tại Đài Loan. Hai bên không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau. Bà P đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn ông T để sớm ổn định cuộc sống.

Về con chung: Bà Vũ Thị P và ông Đào Thanh T có 02 con chung là Đào Thanh T1, sinh ngày 17/7/1999 và Đào Thanh V, sinh ngày 12/10/2008. Hiện cháu Đào Thanh T1 đã trưởng thành, đủ khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Khi ly hôn bà P có quan điểm giao cho ông T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Đào Thanh V và bà P tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung là 2.000.000đ/tháng.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung, công sức đóng góp chung cho hai bên gia đình: Không có không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình chuẩn bị xét xử vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập bị đơn nhưng ông Đào Thanh T đều vắng mặt và không gửi cho Tòa án văn bản ghi quan điểm của mình về nội dung liên quan đến vụ án.

Tại Biên bản xác minh với trưởng thôn H, xã H, thành phố Hải Phòng và Ủy ban nhân dân xã H, thành phố Hải Phòng thể hiện: Về điều kiện, thời gian đăng ký kết hôn, thông tin con chung như bà P trình bày nêu trên. Về tình trạng chung sống của vợ chồng bà P - ông T, chính quyền địa phương không nắm được. Khoảng năm 2018, bà P đi lao động tại Đài Loan đến nay. Cháu Đào Thanh T2 đã trưởng thành, cháu Đào Thanh V ở cùng bố và bà nội tại địa phương.

Tại Biên bản lấy lời khai của cháu Đào Thanh V trình bày: Cháu đang học lớp 12 tại trường THPT Á. Sau khi mẹ cháu đi nước ngoài lao động, cháu ở cùng bố và bà nội. Khi bố mẹ giải quyết ly hôn, cháu có nguyện vọng tiếp tục được ở cùng bố để không bị xáo trộn trong học tập, sinh hoạt.

Tại Biên bản lấy lời khai người làm chứng bà Phạm Thị X1 trình bày: Bà X1 là mẹ đẻ của ông T, nguyên nhân mâu thuẫn giữa bà P và ông T là do bất đồng về kinh tế nên năm 2018 bà P đi lao động tại Đài Loan không bàn bạc gì với ông T. Từ đó đến nay, bà P về thăm nhà có 02 lần. Khi về vợ chồng chỉ ở

cùng nhà nhưng sống ly thân, không có biện pháp nào để cải thiện tình trạng mâu thuẫn, không có phương án để vợ chồng đoàn tụ. Về hai con chung của bà P, ông T đều do ông T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng có sự hỗ trợ của bà X1. Hiện nay, cháu T2 đã trưởng thành, đủ khả năng lao động, có cuộc sống riêng, cháu V còn vài tháng nữa là đủ 18 tuổi, thành niên và hiện nay ông T đang làm lái xe, có thu nhập ổn định, có sự hỗ trợ của bà nên đề nghị Tòa án xem xét theo nguyện vọng của cháu V để giao cháu V cho ông T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu V.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Hải Phòng phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và nguyên đơn đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Bị đơn chưa thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Áp dụng các Điều 5, 6, 8, 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986; Điều 51, khoản 1 Điều 56, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025); Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội; Khoản 2 Điều 7 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Nghị định số 293/2025/NĐ-CP ngày 10/11/2025 của Chính phủ; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Cho bà Vũ Thị P được ly hôn ông Đào Thanh T. Về con chung: Giao cho ông Đào Thanh T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Đào Thanh V, sinh ngày 12/10/2008 và bà Vũ Thị P có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con hàng tháng là 2.365.000đ/tháng kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung thành niên. Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp cho hai bên gia đình: Không giải quyết. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử (viết tắt: HĐXX) nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Vũ Thị P khởi kiện xin ly hôn ông Đào Thanh T. Bị đơn cư trú tại xã H, thành phố Hải Phòng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết

của Tòa án nhân dân khu vực 8 - Hải Phòng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025).

Nhận thấy, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, nguyên đơn vắng mặt đã có đơn xin xét xử vắng mặt do đó căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025), HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt họ.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Vũ Thị P và ông Đào Thanh T được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 12 tháng 12 năm 1998 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, tỉnh Hải Dương nay là xã H, thành phố Hải Phòng nên hôn nhân giữa bà P và ông T là hợp pháp.

Sau khi kết hôn, bà P và ông T chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng có nhiều bất đồng trong quan điểm sống và kinh tế dẫn đến thường xảy ra mâu thuẫn cãi vã, ảnh hưởng đến hạnh phúc gia đình. Nay bà P xác định tình cảm vợ chồng không còn, đã ly thân nhiều năm nay không quan tâm đến nhau nên bà P xin ly hôn với ông T. Quá trình giải quyết vụ án, ông T không đến Tòa án làm việc cũng không có ý kiến, nguyện vọng xin hòa giải đoàn tụ với bà P. Xét thấy, tình trạng mâu thuẫn giữa bà P và ông T đã trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chấp nhận cho bà P ly hôn ông T là có căn cứ, đúng quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Bà Vũ Thị P và ông Đào Thanh T có 02 con chung là Đào Thanh T1, sinh ngày 17/7/1999 và Đào Thanh V, sinh ngày 12/10/2008. Hiện con chung Đào Thanh T1 đã trưởng thành, đủ khả năng lao động nên bà P không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó HĐXX không đặt ra xem xét. Đối với con chung Đào Thanh V do ông T đang trực tiếp nuôi dưỡng. Trên cơ sở đánh giá toàn diện về điều kiện ăn ở, sinh hoạt, học tập và nguyện vọng của con chung, HĐXX căn cứ quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình giao con chung Đào Thanh V cho ông T tiếp tục nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng cho con: Căn cứ quy định tại Điều 107, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 7 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Nghị định số 293/2025/NĐ-CP ngày 10/11/2025 của Chính phủ, quy định mức lương tối thiểu đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động, tại xã H, thành phố Hải Phòng (thuộc vùng II), mức lương tối thiểu của vùng II theo tháng là 4.730.000đ và ý kiến về mức cấp dưỡng của bà P, cần buộc bà P phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chung Đào Thanh V là 2.365.000đ/tháng kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung thành niên.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp cho hai bên gia đình: Bà P không đề nghị Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí: Bà Vũ Thị P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, án phí cấp dưỡng cho con theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025), Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 5, 6, 8, 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986; Điều 51, khoản 1 Điều 56, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025); Khoản 2 Điều 7 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc hôn nhân và gia đình; Nghị định số 293/2025/NĐ-CP ngày 10/11/2025 của Chính phủ quy định mức lương tối thiểu đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho bà Vũ Thị P được ly hôn với ông Đào Thanh T.
2. Về con chung: Giao cho ông Đào Thanh T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Đào Thanh V, sinh ngày 12/10/2008 và bà Vũ Thị P có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con là 2.365.000 đồng/tháng kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung thành niên.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Kể từ khi người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, người phải thi hành án không thi hành số tiền trên thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo khoản 2 Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí: Bà Vũ Thị P phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn và 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con được đối trừ với số tiền tạm ứng án phí bà P đã nộp (do chị Nguyễn Thị Thanh X nộp thay) theo Biên lai thu tạm

ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006758 ngày 20/11/2025 tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 8 - Hải Phòng. Bà P còn phải nộp 300.000đ (chưa nộp).

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 8 - Hải Phòng;
- Phòng THADS khu vực 8 - Hải Phòng;
- Đương sự;
- UBND xã Hà Bắc, TP Hải Phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Diệu Linh

Số: **01/2026/TB-SCBSBA**

Hải Phòng, ngày 16 tháng 03 năm 2026

**THÔNG BÁO
SỬA CHỮA, BỔ SUNG BẢN ÁN**

Căn cứ các Điều 48, 268 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Xét thấy Bản án dân sự sơ thẩm số 53/2026/HNGĐ-ST ngày 04/03/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 8 - Hải Phòng do có lỗi chính tả cần được sửa chữa, bổ sung như sau:

- Về nội dung tại dòng thứ 19 từ trên xuống trang 3 của Bản án sơ thẩm nêu trên đã ghi: “271, Điều 273...”.

Nay được sửa chữa, bổ sung như sau: “271, Điều 273, **khoản 2 Điều 479...**”.

- Về nội dung tại dòng thứ 17 từ trên xuống trang 5 của Bản án sơ thẩm nêu trên đã ghi: “b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273...”.

Nay được sửa chữa, bổ sung như sau: “b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273, **khoản 2 Điều 479...**”.

- Về nội dung tại dòng thứ 10 từ trên xuống trang 6 của Bản án sơ thẩm nêu trên đã ghi: “Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày...”.

Nay được sửa chữa, bổ sung như sau: “Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày (**đối với ông Đào Thanh T) và 01 tháng (đối với bà Vũ Thị P)...**”.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 8 - Hải Phòng;
- Phòng THADS khu vực 8 - Hải Phòng;
- Đương sự;
- UBND xã Hà Bắc, TP Hải Phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Diệu Linh